

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026–2030; Kế hoạch số 2482/KH-UBND ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp; tạo điều kiện để người lao động nông thôn được tiếp cận kiến thức, kỹ năng nghề, khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số. Hình thành lực lượng nông dân số có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số và thương mại điện tử trong sản xuất, quảng bá và tiêu thụ nông sản. Xây dựng đội ngũ nông dân chuyên nghiệp có tư duy kinh tế, sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Nâng cao năng lực quản trị, điều hành của cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác; góp phần phát triển kinh tế tập thể và xây dựng nông thôn mới bền vững.

2. Yêu cầu

- Huy động sự tham gia của hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân vào việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại; tạo được sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội; các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại trên địa bàn trong việc triển khai thực hiện.

- Việc đào tạo, bồi dưỡng phải phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân và định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương. Nội dung đào tạo bảo đảm thiết thực, dễ áp dụng, gắn với chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và chuyển đổi số nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp theo hướng phân tầng, hiện đại và gắn với nhu cầu thị trường; trong đó tập trung đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho lao động trong các vùng nguyên liệu, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

+ Tổ chức đào tạo cho trên 10.000 lao động nông thôn với các hình thức đa dạng (sơ cấp dưới 03 tháng), gắn với cấp chứng chỉ, chứng nhận theo quy định, phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng bước liên kết với vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm.

+ Bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của Chương trình, từng bước chuẩn hóa quy trình sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đồng thời tích hợp kỹ năng số cơ bản và kỹ năng tổ chức sản xuất, tiêu thụ.

+ Tỷ lệ lao động áp dụng kiến thức vào thực tiễn, duy trì, mở rộng sản xuất hoặc có việc làm sau đào tạo đạt trên 85%.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại

+ Đào tạo trên 7.000 lao động để hình thành đội ngũ nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại.

+ Sau đào tạo, trên 85% học viên áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh; 60-70% tham gia liên kết sản xuất, chuỗi giá trị hoặc ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương thức quản trị và tổ chức sản xuất.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Phạm vi thực hiện

Triển khai trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên thực hiện tại các vùng nguyên liệu tập trung, vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, địa bàn triển khai chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn biên giới, an toàn khu và khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thụ hưởng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn

- Người lao động khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên có nhu cầu học nghề, làm việc và nâng cao kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- Lao động trong vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

- Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp; thành viên Tổ khuyến nông cộng đồng.

- Ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân tộc thiểu số; lao động tại vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và địa bàn an toàn khu.

b) Đội ngũ tham gia đào tạo, bồi dưỡng

Nhà giáo, nghệ nhân, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người dạy nghề, cán bộ quản lý cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

c) Cơ sở tham gia đào tạo

Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; học viện, trường, viện nghiên cứu, trung tâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nghề và đào tạo nâng cao chất lượng lao động nông nghiệp.

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, tổ chức khoa học công nghệ, tổ chức quốc tế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp.

4. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026-2030

III. NỘI DUNG

1. Tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn

a) Trình độ, hình thức đào tạo:

Trình độ: Sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Hình thức: Trực tiếp gắn với thực hành tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Định hướng lựa chọn nghề và nội dung đào tạo:

- Gắn đào tạo với vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án của ngành và địa phương; ưu tiên đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, hợp tác xã. Khuyến khích mô hình “cầm tay chỉ việc”, đào tạo tại chỗ, đào tạo theo chuỗi giá trị.

- Nghề nông nghiệp theo lĩnh vực, ngành hàng, vùng sinh thái và sản phẩm chủ lực của địa phương, ưu tiên các nghề thuộc trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp,

thủy sản, dược liệu, diêm nghiệp có thể mạnh ở địa phương; các nghề sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản...

- Nghề gắn với kỹ năng tổ chức sản xuất, sử dụng vật tư, thiết bị, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; kỹ năng tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Nghề sản xuất nông nghiệp theo các quy trình tiên tiến, hiện đại, bền vững, thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; đào tạo về kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, quản lý và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển nông nghiệp xanh, tín chỉ carbon và thích ứng biến đổi khí hậu nhằm phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững và cam kết giảm phát thải của Việt Nam.

- Các nghề kỹ năng vận hành, sử dụng, bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp, logistics, công nghệ phù hợp phục vụ sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và chuỗi giá trị.

- Ngành nghề nông thôn, thủ công mỹ nghệ, nghề gắn với bảo tồn và phát triển làng nghề, chế biến nông sản, dịch vụ nông nghiệp, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP và sinh kế bền vững.

- Các nghề khác phù hợp với định hướng phát triển, nhu cầu sản xuất nông, lâm nghiệp của địa phương.

c) Kết quả, hiệu quả sau đào tạo: Trên 85% học viên áp dụng vào thực tiễn sản xuất, có việc làm; từng bước hình thành lực lượng lao động có kỹ năng nghề, đáp ứng chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

2. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phát triển lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và quản trị hợp tác xã hiện đại

a) Hình thức, thời gian đào tạo:

Hình thức: Tổ chức tại cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, hợp tác xã, Viện, Trường; lấy thực hành làm trọng tâm. Các học viên sau đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn được cấp chứng nhận qua đào tạo, bồi dưỡng.

Thời gian: Không dưới 05 ngày/khóa, có ít nhất 01 buổi thực hành hoặc khảo sát thực tế.

b) Định hướng nội dung đào tạo theo mô-đun:

(1) Nhóm mô-đun cốt lõi (áp dụng chung):

Mô-đun 1. Kỹ năng sử dụng các thiết bị số, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp cơ bản; ghi chép nhật ký điện tử trong sản xuất.

Mô-đun 2. Tiêu chuẩn chất lượng và sản xuất nông nghiệp bền vững: Kiến thức, kỹ năng về tiêu chuẩn, quy chuẩn, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc;

thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.

Mô-đun 3. Chế biến, cơ giới hóa và nông nghiệp thông minh: Kiến thức, kỹ năng ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, thiết bị thông minh, nông nghiệp chính xác, công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến và logistics phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Mô-đun 4. Quản lý sản xuất, kinh doanh và tiếp cận thị trường: Kỹ năng lập kế hoạch sản xuất, quản lý tài chính, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; thương mại điện tử, thanh toán số, kết nối thị trường và tiếp cận dịch vụ tài chính.

Mô-đun 5. Quản trị hợp tác xã và liên kết sản xuất: Nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả; tổ chức sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số và quản trị rủi ro.

Mô-đun 6. Quản lý rủi ro và kỹ năng thích ứng: Kiến thức, kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường; an toàn lao động, bảo hiểm nông nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

(2) Nhóm mô-đun đặc thù theo vùng miền, ngành hàng và nhu cầu địa phương:

Mô-đun 7. Nội dung đào tạo đặc thù: Tổ chức đào tạo theo đặc điểm vùng miền, ngành hàng và nhu cầu thực tế của địa phương như phát triển thương hiệu, câu chuyện sản phẩm, văn hóa gắn với nghề, sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, sinh vật cảnh, dược liệu, ngành nghề nông thôn, kinh tế tuần hoàn hoặc các nội dung đặc thù khác.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn, cơ sở đào tạo lựa chọn tối thiểu 03 mô-đun, trong đó ưu tiên các mô-đun cốt lõi; đồng thời linh hoạt bổ sung nội dung đặc thù phù hợp với từng nhóm đối tượng, ngành hàng và địa phương.

IV. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và đời sống của người dân nông thôn

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề, đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; thực hiện tốt công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tổ chức tuyên truyền, tư vấn học nghề cho người lao động, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện cho người lao động tích cực tham gia học nghề,

góp phần xây dựng nông thôn mới. Tăng cường giới thiệu, quảng bá các mô hình hiệu quả, điển hình tiên tiến, nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã tiêu biểu

- Nhân rộng mô hình đào tạo hiệu quả, mô hình liên kết giữa cơ sở đào tạo – hợp tác xã – doanh nghiệp – người dân; thúc đẩy lan tỏa các phương thức đào tạo thiết thực, sáng tạo và phù hợp với từng vùng, miền.

- Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, vận động về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, đặc biệt là truyền thông trên nền tảng số; tận dụng tối đa các nền tảng truyền thông xã hội chính thống để tăng cường sự tương tác giữa chính quyền với người dân nhằm truyền tải thông tin một cách kịp thời về chủ trương, chính sách của nhà nước về đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Phát triển đội ngũ và cơ sở phục vụ đào tạo

- Chú trọng đổi mới chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thường xuyên cập nhật, chuẩn hóa nội dung đào tạo theo yêu cầu của thị trường lao động; lồng ghép các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong chương trình đào tạo.

- Phát triển mạng lưới chuyên gia, giảng viên thực hành và tư vấn đào tạo nông nghiệp, bao gồm giảng viên cơ sở đào tạo, cán bộ khuyến nông, chuyên gia doanh nghiệp, cán bộ hợp tác xã, nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân, chuyên gia công nghệ số và các tổ chức khoa học, nghề nghiệp; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức xã hội trong hoạt động đào tạo.

- Phát triển hệ thống mô hình thực hành, điểm trình diễn, cơ sở thực tập và tham quan học tập, gắn với vùng nguyên liệu, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, làng nghề và mô hình sản xuất hiệu quả tại địa phương; ưu tiên mô hình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hóa, sản xuất xanh, hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo – hợp tác xã – doanh nghiệp – cơ sở sản xuất, thực hiện đào tạo theo nhu cầu thực tiễn, theo đơn đặt hàng, gắn đào tạo với thực hành, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Khuyến khích lồng ghép, huy động nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và nguồn xã hội hóa để phát triển đội ngũ, cơ sở thực hành và mô hình đào tạo hiệu quả.

3. Điều tra, xác định nhu cầu và đặt hàng đào tạo

- Tổ chức điều tra, khảo sát, cập nhật định kỳ nhu cầu đào tạo theo ngành hàng, vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm, chuỗi giá trị nông,

lâm, thủy sản, ngành nghề nông thôn và nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về nhu cầu đào tạo, làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm, trung hạn và dài hạn; bảo đảm gắn với quy hoạch phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động và nhu cầu thị trường.

- Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo nhu cầu thực tế và kết quả đầu ra, ưu tiên các vùng nguyên liệu, ngành hàng chủ lực, chương trình, đề án, dự án trọng điểm; bảo đảm đào tạo đúng đối tượng, đúng nhu cầu, hiệu quả và tránh dàn trải.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia xây dựng chương trình đào tạo, hỗ trợ thực hành, tiếp nhận lao động sau đào tạo.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng hệ sinh thái đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp trên địa bàn

- Xây dựng, phát triển và khai thác hiệu quả kho học liệu số, tài liệu điện tử, video hướng dẫn kỹ thuật, bài giảng trực tuyến phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và tự học của người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hoạt động đào tạo, quản lý học viên, theo dõi kết quả học tập, cấp chứng nhận, đánh giá hiệu quả sau đào tạo và kết nối thông tin giữa cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, hợp tác xã và người học.

- Từng bước hình thành cộng đồng học tập số trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, các mô hình sản xuất hiệu quả và kết nối giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo và các tổ chức khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả theo từng giai đoạn; tổng hợp, chia sẻ bài học kinh nghiệm, mô hình hiệu quả và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

- Theo dõi, đánh giá kết quả đào tạo và sau đào tạo như mức độ áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo vào sản xuất; tỷ lệ người học có việc làm hoặc tiếp tục tham gia sản xuất, kinh doanh sau đào tạo; hiệu quả về năng suất, chất lượng, thu nhập và khả năng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn sau:

Nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước, trong đó nguồn chủ yếu từ các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-

2035, được bố trí cho các địa phương để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định.

Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác, bao gồm đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân; nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương hướng dẫn, đôn đốc tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.
- Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm và giai đoạn; xác định chỉ tiêu đào tạo theo từng lĩnh vực, ngành hàng, địa bàn và đối tượng; hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với nhu cầu thực tiễn.
- Chủ trì tổ chức khảo sát, điều tra, cập nhật nhu cầu đào tạo của người lao động, hợp tác xã, doanh nghiệp và vùng nguyên liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác lập kế hoạch đào tạo hằng năm và giai đoạn.
- Rà soát, cập nhật danh mục nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và chuyển đổi số ngành nông nghiệp.
- Hướng dẫn nội dung đào tạo, lựa chọn nghề, mô-đun đào tạo, tiêu chuẩn chất lượng và đánh giá kết quả đào tạo theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành; đồng thời lồng ghép với nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan; phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí, bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Chủ động xây dựng kế hoạch tham gia đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn phù hợp với năng lực đào tạo của đơn vị; tổ chức các lớp đào tạo nghề nông nghiệp đảm bảo chất lượng, hiệu quả; rà soát, cập nhật chương trình, giáo trình, chuẩn đầu ra phù hợp với nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương; phối hợp tổ chức khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động; tổ chức tuyển

sinh và đào tạo theo kế hoạch, đơn đặt hàng; đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng thực hành, “cầm tay chỉ việc”, linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến; phối hợp với địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức đào tạo gắn với thực hành, sử dụng lao động và chuỗi giá trị.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp.

- Hỗ trợ kết nối, nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu để phục vụ công tác đào tạo, thực hành và chuyển giao công nghệ.

- Phối hợp hỗ trợ phát triển, khai thác và ứng dụng các nền tảng số, cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử và các giải pháp công nghệ số phục vụ hình thành lực lượng nông dân số, đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại và phát triển thị trường nông sản.

- Ưu tiên lồng ghép các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo Kế hoạch; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu, bảo hộ tài sản trí tuệ và đổi mới công nghệ đối với sản phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, kinh doanh sau đào tạo.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý và tổ chức thực hiện Kế hoạch; lồng ghép với các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định.

6. Sở Công Thương

Phối hợp tổ chức đào tạo về thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu và kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sau đào tạo.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tuyên truyền về vai trò, vị trí quan trọng, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm của các cấp, các ngành, đoàn thể, nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp để

hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại.

8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản trị hợp tác xã; giới thiệu các mô hình hợp tác xã tiêu biểu để đào tạo thực hành; phối hợp đánh giá hiệu quả sau đào tạo.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường vận động, phổ biến, tuyên truyền, tư vấn học nghề, tham gia đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho đoàn viên, hội viên, lao động nông thôn; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng các mô hình điển hình, tập thể, cá nhân có hiệu quả trong công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh

10. UBND các xã, phường, đặc khu

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại địa phương; rà soát, xác định nhu cầu đào tạo của người lao động, nông dân, thành viên hợp tác xã trên địa bàn, xây dựng kế hoạch hằng năm và giai đoạn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, vùng nguyên liệu, hợp tác xã, chuyển đổi số và nhu cầu thị trường; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả đào tạo trên địa bàn;

- Bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026–2035 và huy động nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

- Lựa chọn đúng đối tượng tham gia đào tạo theo nhu cầu thực tế; tránh đào tạo trùng lặp, dàn trải; ưu tiên vùng nguyên liệu, hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết sản xuất.

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; ưu tiên người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân tộc thiểu số; lao động tại vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo và địa bàn an toàn khu.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn tại địa phương; tạo điều kiện về cơ sở vật chất và huy động người dân tham gia.

- Theo dõi, đánh giá kết quả đào tạo và sau đào tạo; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai; định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu

có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- PCVP UBND tỉnh: Trần Văn Hoài;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

Phụ lục I

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN
VÀ TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG ĐỂ HÌNH THÀNH LỰC LƯỢNG NÔNG DÂN
SỐ, NÔNG DÂN CHUYÊN NGHIỆP VÀ ĐỘI NGŨ QUẢN TRỊ HỢP TÁC XÃ
HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026–2030**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Đơn vị tính: Người

STT	Nội dung	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Giai đoạn 2026-2030
1	Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	10.000
2	Tập huấn bồi dưỡng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và cán bộ quản trị HTX hiện đại	1.000	1.000	1.000	2.000	2.000	7.000